

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ- TKV

HỒ SƠ MỜI CHÀO GIÁ

Tên đơn hàng: **Vật tư Phụ phục vụ trung tiểu tu S1**

Số hiệu đơn hàng: **127/ĐH-NĐCP**

Phát hành ngày: **17/06/2025**

Ban hành kèm theo QĐ: **2460/QĐ-NĐCP ngày 17/06/2025**

BÊN MỜI CHÀO GIÁ
KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Vũ Hoàng Lân

Chương I: Yêu cầu về Hồ sơ mời chào giá

Mục 1. Bên mời chào giá

- Bên mời chào giá: Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV.
- Bên mời chào giá mời các Nhà cung cấp tham gia Báo giá cạnh tranh thông thường cung cấp vật tư theo đơn hàng “Mua sắm Vật tư Phụ phục vụ trung tiêu tu S1”.
- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

Mục 2. Các yêu cầu về vật tư

Phạm vi công việc, yêu cầu của đơn hàng nêu tại Chương II của Hồ sơ mời chào giá này.

Mục 3. Các yêu cầu về tư cách pháp nhân, năng lực, kinh nghiệm của Nhà cung cấp

Nhà cung cấp phải nộp các giấy tờ sau:

1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký thành lập doanh nghiệp (bản công chứng); Giấy phép kinh doanh đối với mặt hàng kinh doanh có điều kiện (nếu có).

2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng (Giấy ủy quyền, quyết định bổ nhiệm hoặc văn bản tương đương).

3. Tài liệu chứng minh năng lực kinh nghiệm:

- Bản giới thiệu về Nhà cung cấp;
- Cung cấp ít nhất 01 hợp đồng cung cấp hàng hóa là vật tư Tiêu hao, Vật tư Phụ và các vật tư khác có liên quan, trong khoảng từ tháng 01 năm 2024 đến 31 tháng 05 năm 2025 (Nhà cung cấp nộp hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự, bao gồm cả tài liệu chứng minh đã hoàn thành thực hiện hợp đồng). Nhà cung cấp phải cung cấp tài liệu chứng minh nội dung này.

- Bên mời chào giá có thể chấp nhận Nhà cung cấp là đơn vị một độc lập hoặc liên danh giữa các Nhà cung cấp với điều kiện đảm bảo các yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá.

Mục 4. Các yêu cầu về thương mại:

1. Giá, thuế, phí, lệ phí:

a. Giá chào:

Giá chào là giá do Nhà cung cấp ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện đơn hàng tại địa điểm giao hàng theo yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá, bao gồm cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp Nhà cung cấp chào giá không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Hồ sơ chào giá của Nhà cung cấp sẽ bị loại.

b. Trường hợp Nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể theo hình thức thư giảm giá riêng hoặc ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm Bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá. Trong đề xuất giảm giá, Nhà cung cấp cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Thư giảm giá gửi sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá sẽ không được chấp nhận.

c. Nhà cung cấp chào giá cho toàn bộ hàng hóa theo thư mời.

2. Địa điểm và thời gian giao hàng:

a. Địa điểm giao hàng là: kho vật tư của Công ty tại Tổ 4, khu 4A, P.Cẩm Thịnh, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam (Nhà cung cấp chịu trách nhiệm nâng hạ hàng, chi phí nâng – hạ tại nơi giao hàng).

b. Thời gian giao hàng (Tính từ khi hợp đồng có hiệu lực): Mục số 1÷5, 35, 36, 38, 47, 49, 58÷63, 71, 76 giao hàng trong vòng 30 ngày các mục còn lại giao hàng trong vòng 20 ngày.

3. Thanh toán:

Thanh toán bằng chuyển khoản qua Ngân hàng trong vòng 30 ngày sau khi bên B bàn giao đầy đủ hàng hóa, đạt yêu cầu kỹ thuật và có đủ chứng từ thanh toán cho bên A.

4. Bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàng:

- Nhà cung cấp phải cam kết bảo hành: Mục số 1÷5, 35, 36, 38, 47, 49, 58÷63, 71, 76 trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày 2 bên ký biên bản kiểm nghiệm.

5. Nhà sản xuất, nguồn gốc, xuất xứ:

Hàng hóa sản xuất năm 2024 trở lại đây, mới 100%, chưa qua sử dụng, đúng quy cách, ký mã hiệu, đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật. Hàng hóa, vật tư cung cấp phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, hợp pháp, có giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng sản phẩm khi giao hàng.

+ Với các mục hàng nhập khẩu: Cam kết cung cấp đầy đủ Giấy chứng nhận xuất xứ (CO), Giấy chứng nhận chất lượng (CQ) (CO do đơn vị có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp cho đơn vị nhập khẩu tại Việt Nam). Cam kết xuất trình tờ khai Hải quan (bản gốc) nếu là nhà thầu trực tiếp nhập khẩu hoặc tờ khai Hải quan (bản sao) được đóng dấu và xác nhận sao y bản chính của đơn vị nhập khẩu nếu là hàng hoá nhà thầu mua thông qua các đại lý khi Chủ đầu tư yêu cầu.

Yêu cầu cấp bản gốc hoặc bản công chứng các giấy tờ trên – Cấp bản công chứng dịch thuật tiếng Việt với các chứng từ không được viết bằng tiếng Việt. Trong trường hợp số lượng và mục hàng trên CO, CQ trùng với số lượng của Hợp đồng thì phải cung cấp bản gốc kèm theo các chứng từ trên.

- Các mục hàng còn lại: Cấp Cam kết nguồn gốc xuất xứ và chất lượng hàng hóa. Riêng các mục hàng có giá trị sau thuế từ 50 triệu đồng/ đơn giá từ 10 triệu đồng trở lên yêu cầu cấp CQ của nhà sản xuất.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền và ngôn ngữ trong chào giá

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào giá.

2. Đồng tiền tham dự chào giá và đồng tiền thanh toán là VNĐ.

3. Hồ sơ chào giá cũng như tất cả các văn bản và các tài liệu liên quan đến Hồ sơ chào giá được trao đổi giữa Bên mời chào giá và Nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong Hồ sơ chào giá có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận đóng dấu của cơ quan dịch thuật. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời chào giá có thể yêu cầu Nhà cung cấp gửi bổ sung.

Mục 6. Nội dung Hồ sơ chào giá

Nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc Hồ sơ chào giá bao gồm các nội dung

sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01, Biểu giá chào hàng theo Mẫu số 02 Chương III - Biểu mẫu.

Nhà cung cấp phải nộp Hồ sơ chào giá có đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 02 Chương III - Biểu mẫu, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà Nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là Nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc đơn hàng, Nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong Hồ sơ mời chào giá với đúng giá đã chào.

2. Các tài liệu chứng minh tư cách pháp nhân, năng lực, kinh nghiệm của Nhà cung cấp theo quy định tại Mục 3 của Hồ sơ mời chào giá này.

3. Bản kê các điều kiện thương mại: giao hàng, thanh toán, bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàng (nếu có), v.v... theo Mẫu số 03, Chương III-Biểu mẫu.

4. Bảng liệt kê chi tiết danh mục hàng hoá phù hợp với yêu cầu về phạm vi cung cấp nêu tại Chương II - Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng, bao gồm cả các tài liệu chứng minh về nguồn gốc, xuất xứ theo Mẫu số 04, Chương III-Biểu mẫu.

5. Phương án cung cấp, vận chuyển hàng hoá an toàn đến nơi giao nhận, phù hợp với yêu cầu về tiến độ cung cấp.

6. Bản cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 05, Chương III-Biểu mẫu.

Mục 7. Thời hạn hiệu lực của Hồ sơ chào giá

Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ chào giá tối thiểu là 60 ngày, kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá.

Mục 8. Nộp, tiếp nhận, mở Hồ sơ chào giá

1. Hồ sơ chào giá được gửi trong phong bì kín, ghi đầy đủ tên, địa chỉ, số điện thoại của cá nhân/nhà cung cấp gửi, có niêm phong ghi rõ nội dung: **Hồ sơ chào giá theo văn bản số 2460/QĐ-NĐCP ngày 17/06/2025** và gửi thư chuyển phát nhanh hoặc nộp trực tiếp về địa chỉ như sau (*Bên mời chào giá chỉ tiếp nhận những hồ sơ chào giá đảm bảo nội dung này*):

Địa chỉ nhận hồ sơ chào giá:

+ Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV.

+ Địa chỉ: Tổ 4, khu 4A, phường Cẩm Thịnh, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

+ Điện thoại: 02033 734 900

- Mọi thắc mắc xin liên hệ cán bộ phụ trách: Đinh Thị Phong Lan, phòng Kế hoạch-Đầu tư-Vật tư; điện thoại: 0775346899.

- Thời gian nhận bản chào giá chậm nhất vào **09 giờ 00' ngày 26/06/2025**

- Các Hồ sơ chào giá được gửi đến Bên mời chào giá sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá sẽ không được xem xét.

2. Các Hồ sơ chào giá sẽ được mở đồng thời một cách công khai tại trụ sở Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV vào hồi **09 giờ 30' ngày 26/06/2025**.

Bên mời chào giá mời các Nhà cung cấp đã nộp Hồ sơ chào giá chứng kiến và xác nhận việc mở các Hồ sơ chào giá, tuy nhiên trong mọi trường hợp việc mở Hồ sơ chào giá vẫn được tiến hành vào thời gian đã được quy định trong Thư mời chào giá mà không phụ thuộc vào việc có mặt hay không của các Nhà cung cấp này.

3. Các thông tin về nội dung chủ yếu của Hồ sơ chào giá của các Nhà cung cấp bao gồm tối thiểu các nội dung: tên Nhà cung cấp, giá chào, thời gian có hiệu lực của Hồ sơ chào giá ... sẽ được lập thành một biên bản chung để làm cơ sở đánh giá lựa chọn Nhà cung cấp.

4. Bên mời chào giá chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong các Hồ sơ cho đến khi công bố kết quả lựa chọn Nhà cung cấp.

5. Các bản chào giá không thực hiện như đúng hình thức yêu cầu trong hồ sơ này bên mời cung cấp có quyền không tiếp nhận, không mở hồ sơ và trả về nhà cung cấp nếu phong bì thư có ghi rõ địa chỉ nhà cung cấp.

Mục 9. Làm rõ Hồ sơ chào giá

1. Sau khi mở Hồ sơ chào giá, Nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ Hồ sơ chào giá theo yêu cầu của Bên mời chào giá (nếu có). Trường hợp Hồ sơ chào giá của Nhà cung cấp thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm thì Bên mời chào giá yêu cầu Nhà cung cấp làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong Hồ sơ chào giá của Nhà cung cấp, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của Nhà cung cấp tham gia chào giá, không làm thay đổi nội dung cơ bản của Hồ sơ chào giá đã nộp, không thay đổi giá chào.

2. Việc làm rõ Hồ sơ chào giá giữa Nhà cung cấp và Bên mời chào giá được thực hiện thông qua văn bản.

3. Hồ sơ chào giá (HSCG) hoặc bất kỳ tài liệu nào được nhà cung cấp (NCC) gửi Bên mời chào giá sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá để sửa đổi, bổ sung Hồ sơ chào giá đã nộp đề không hợp lệ và không được xem xét. Trong thời gian 03 ngày kể từ ngày mở Hồ sơ chào giá, trường hợp Nhà cung cấp phát hiện Hồ sơ chào giá của mình thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện thì Nhà cung cấp được phép gửi tài liệu đến Bên mời chào giá để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện của mình. Bên mời chào giá có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của Nhà cung cấp để xem xét, đánh giá. Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm được coi như một phần của Hồ sơ chào giá.

4. Việc làm rõ Hồ sơ chào giá chỉ được thực hiện giữa Bên mời chào giá và Nhà cung cấp có Hồ sơ chào giá cần phải làm rõ. Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện được coi là một phần của Hồ sơ chào giá và được Bên mời chào giá bảo quản như Hồ sơ chào giá.

Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính nếu quá thời hạn làm rõ mà Nhà cung cấp không làm rõ được hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời chào giá thì Bên mời chào giá sẽ đánh giá Hồ sơ chào giá của Nhà cung cấp theo Hồ sơ chào giá đã nộp hợp lệ trước đó.

Mục 10. Đánh giá Hồ sơ chào giá

Việc đánh giá Hồ sơ chào giá được thực hiện theo các quy định dưới đây:

1. Đánh giá về tính hợp lệ của Hồ sơ chào giá:

Hồ sơ chào giá được đánh giá là hợp lệ khi bao gồm đầy đủ các nội dung theo yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá.

2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Đánh giá theo tiêu chí đạt/ không đạt để đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của Nhà cung cấp trên cơ sở các tiêu chí yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm được nêu tại Hồ sơ mời chào giá.

3. Đánh giá về kỹ thuật:

Sử dụng tiêu chí đạt/ không đạt làm cơ sở để đánh giá về mặt kỹ thuật bao gồm:

- Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất.
- Nhà thầu được chào hàng hóa là tương đương hoặc tốt hơn. Trường hợp nhà thầu chào hàng hóa là tương đương hoặc tốt hơn thì hàng hóa được đánh giá là tương đương hoặc tốt hơn khi đáp ứng toàn bộ các yêu cầu sau:

+ Có bảng so sánh thông số, đặc tính kỹ thuật, tiêu chuẩn công nghệ giữa hàng hóa yêu cầu trong thư mời và thông số kỹ thuật của hàng hóa nhà thầu chào tương đương hoặc tốt hơn kèm theo tài liệu kỹ thuật của hãng sản xuất hàng hóa yêu cầu trong thư mời và hãng sản xuất mà nhà thầu chào tương đương hoặc tốt hơn để chứng minh;

+ Có cam kết hàng hóa do nhà thầu chào đảm bảo tính tương thích, đồng bộ và đảm bảo tính lắp lẫn vào hệ thống/thiết bị của chủ đầu tư đang sử dụng, không gây ảnh hưởng phụ tới công suất, hiệu quả, tuổi thọ thiết bị của chủ đầu tư (không gián tiếp là nguyên nhân phát sinh làm hư hỏng các bộ phận khác trong hệ thống thiết bị).

- Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của phương án cung cấp, vận chuyển hàng hóa;

- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành: Nhà cung cấp phải trình bày thời gian và cách thức thực hiện bảo hành;

- Tiến độ cung cấp hàng hóa.

- Cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 05 Chương III – Biểu mẫu.

4. Đánh giá về giá:

- Tiêu chí đánh giá về giá được áp dụng theo đơn giá thấp nhất của từng mục hàng hóa.

- Cách xác định đơn giá đánh giá thấp nhất theo các bước sau:

+ Bước 1: Xác định đơn giá chào đối với từng hạng mục hàng hoá nêu tại Chương II (đã bao gồm sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, nếu có).

+ Bước 2: Xác định giá đánh giá trên cơ sở quy về một mặt bằng, có tính đến các điều kiện về giao hàng, thanh toán, bảo hành, v.v....

+ Bước 3: Xếp hạng các hồ sơ chào giá theo đơn giá.

So sánh đơn giá đánh giá giữa các Hồ sơ chào giá, Hồ sơ chào giá có đơn giá đánh giá thấp nhất được xếp thứ nhất. Đối với đơn hàng có nhiều hạng mục thì việc đánh giá sẽ theo nguyên tắc so sánh từng hạng mục giống nhau hoặc tương đương để

xếp hạng các Hồ sơ chào giá.

Mục 11. Quyết định lựa chọn Nhà cung cấp

Nhà cung cấp được xem xét, quyết định lựa chọn cung cấp vật tư khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Hồ sơ chào giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong Hồ sơ mời chào giá;
2. Được xem xét đề nghị cung cấp hàng hoá theo xếp hạng các Hồ sơ chào giá từ thứ nhất đến các thứ hạng tiếp theo.

Để đảm bảo đủ nguồn vật tư, kịp thời phục vụ sản xuất, Bên mời chào giá có quyền lựa chọn nhiều hơn 01 Nhà cung cấp và Bên mua có quyền mua một, một số hoặc tất cả các chủng loại vật tư thuộc đơn hàng trên.

Mục 12. Hợp đồng

Nhà cung cấp được duyệt sẽ ký kết và thực hiện hợp đồng với Bên mời chào giá với các nội dung hợp đồng bao gồm nhưng không giới hạn bởi các điều kiện chính theo mẫu số 05 Chương III.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA ĐƠN HÀNG

Nhà cung cấp phải chào hàng hàng hóa theo nội dung yêu cầu dưới đây:

1. Phạm vi cung cấp hàng hoá, yêu cầu kỹ thuật:

- Tên đơn hàng: Vật tư Phụ phục vụ trung tiểu tu S1.
- Số hiệu đơn hàng: 127/ĐH-NĐCP ngày 28/05/2025
- Chi tiết xem bảng dưới.

TT	Danh mục hàng hóa		ĐVT	Khối lượng	Ghi chú
	Tên hàng hóa	Quy cách/Thông số kỹ thuật			
1.	Bộ gioăng làm kín	FRZR 644TC; DN150; $t \leq 200^{\circ}\text{C}$; 1.6Mpa	Bộ	2	
2.	Bạt silic chịu nhiệt	400 độ C - B900	m2	120	
3.	Bộ gioăng làm kín pit tông van cổng	DN80; phi 80-100mm; 16 bar; 80 độ C	Bộ	2	
4.	Bộ gioăng làm kín Van đĩa xoay	FRZ 643TC; DN200; 1,0÷1,6Mpa; $\leq 200^{\circ}\text{C}$	Bộ	4	
5.	Bông gốm dạng cuộn	7200x610x25mm; hệ số cách nhiệt 1,6 (m2.K/W); nhiệt độ sử dụng 1260 độ C (0,11m3 = 1 cuộn)	Hộp	196	
6.	Bu lông	M14x50, Gr. 10.9	Bộ	176	
7.	Bu lông	M24x140; Gr 10.9	Bộ	20	
8.	Bu lông	M24x180; Gr 10.9	Bộ	8	
9.	Bu lông	M10x50	Bộ	1000	
10.	Bu lông	M14x50 Gr. 8.8	Bộ	628	
11.	Bu lông	M16*50	Bộ	800	
12.	Bu lông	M16x50 Gr. 10.9	Bộ	1680	
13.	Bu lông	M16x60 ren suốt	Bộ	1780	
14.	Bu lông	M16x70(8.8)	bộ	28	
15.	Bu lông	M16x80 vật liệu SUS304	bộ	64	
16.	Bu lông	M22x120(8.8)	Bộ	12	
17.	Bu lông	M24x100 cấp bền 4.8 (ren suốt)	Bộ	400	
18.	Bu lông	M24x140 (8.8)	Bộ	10	
19.	Bu lông	M10x30; Gr 8.8	Bộ	12	
20.	Bu lông	M12x50; Gr 8.8	Bộ	58	
21.	Bu lông inox	M16x 100	Bộ	16	
22.	Bu lông ren suốt	M14x50 cấp bền 4.8	Bộ	4000	
23.	Cao su tấm	1000x1000x5mm	Tấm	31	
24.	Chổi sơn	loại to	cái	8	
25.	Cút 90 độ OD 110	vật liệu PPR, kết nối kiểu hàn nhiệt	Cái	20	
26.	Cút nối T nhựa PPR	OD110mm	cái	2	

TT	Danh mục hàng hóa		ĐVT	Khối lượng	Ghi chú
	Tên hàng hóa	Quy cách/Thông số kỹ thuật			
27.	Đai ốc	M8 vật liệu SUS304	cái	2440	
28.	Dầu	RP7 300g (422ml)	Hộp	10	
29.	Giấy ráp	B800	tờ	10	
30.	Gioăng	151,77x6,99	Cái	16	
31.	Gioăng	88,27x5,33	Cái	16	
32.	Gioăng	D195x5,3	Cái	8	
33.	Gioăng	D95x3,55	Cái	4	
34.	Gioăng cao su,	model: BH-BJ890318, vật liệu: NBR, nhiệt độ làm việc 0-115 độ	Cái	200	
35.	Gioăng côn graphit bọc thép	KT: 330x295x25	Cái	2	
36.	Gioăng côn graphite	220x196x28 (196x220x28)	Cái	2	
37.	Gioăng đồng đỏ,	KT D13, d10, dày 2,5mm	Cái	74	
38.	Gioăng elip	580/530/573x11 (578/527)	Cái	4	
39.	Gioăng nhựa trắng cứng	dày 2mm	m2	2	
40.	Gioăng nhựa trắng cứng	dày 5mm	m2	10	
41.	Gioăng thép	KT: 200x225x3,5mm	cái	1	
42.	Gioăng thép xoắn	148x100x4,5	Cái	4	
43.	Gioăng thép xoắn	185x135x4,5	Cái	4	
44.	Gioăng thép xoắn	320x260x4,5	Cái	4	
45.	Gioăng thép xoắn	55x25x4,5	Cái	4	
46.	Gioăng thép xoắn	58x27x4,5	Cái	4	
47.	Keo chịu nhiệt	Birkosit nhiệt độ 970°C, áp lực 570bar	kg	9	
48.	Keo silicon	GP 280 ml	Tuýp	112	
49.	Lọc dầu đầy của bơm chính .	(HC9020SKS8Z).	Cái	4	
50.	Long đen phẳng	M8	cái	1260	
51.	Măng sông nối ống	PPR OD110	cái	10	
52.	Mặt bích ống nhựa PPR	OD110mm, có mặt bích thép rỗng chất liệu SUS304	cái	8	
53.	Ống gió vải bạt dài 25m,	hình côn F600/F300	cuộn	4	
54.	Ống nhún chịu dầu	D85*160*2, L=350	Cái	2	
55.	Ống nhún chịu dầu của tay đòn	D90*160*2; L=400	Cái	2	
56.	Ống PPR	OD110mm Chiều dày 10mm, PN10	m	100	
57.	Ống ruột gà lõi thép	phi 24	Mét	20	
58.	Phin lọc dầu	Ø60*100	Cái	4	
59.	Phin lọc dầu	Ø70*190	Cái	16	
60.	Phin lọc dầu hồi về	HY-3-001-HTC	Cái	2	

TT	Danh mục hàng hóa		ĐVT	Khối lượng	Ghi chú
	Tên hàng hóa	Quy cách/Thông số kỹ thuật			
61.	Phin lọc đầu hút bơm dầu chính	HY.100-003	Cái	2	
62.	Phin lọc đầu hút bơm dầu làm mát	HY.100-001	Cái	1	
63.	Phin lọc đầu hút bơm dầu tái sinh	HY.100-002	Cái	1	
64.	Pin	AA 1,5V	đôi	200	
65.	Sợi amiăng trắng	12x12	Kg	10	
66.	Tấm amiăng chì lõi thép	d5mm;	m2	2	
67.	Tết amiăng chì lõi thép	12x12	m	104	
68.	Tết chì	12x12	m	2	
69.	Tết chì cối	45x65x10	Cái	30	
70.	Tết chì cối graphit	48x68x10	Cái	80	
71.	Tết chì XS-PR010 MOLDED FLEXIBLE GRAPHITE RING,	76x105x10 (1 bộ gồm 8 tết graphite vòng phẳng không côn + 02 tết chì lõi inconel chặn đầu và cuối), vận hành áp lực hơi 3,5 Mpa, nhiệt độ 538°C. - Thông số kỹ thuật của tết chèn: phạm vi PH: 0~14, nhiệt độ : 800°C điều kiện không oxy hóa, nhiệt độ hơi 580°C, điều kiện có oxy hóa 580°C, -200°C ở nhiệt độ đông lạnh + Áp lực 35 MPa + Vận tốc 2~10m/giây + Tỉ trọng 1,6~1,7g/cm3	Bộ	4	
72.	Thanh ren	M8x1000mm Vật liệu SUS304	Thanh	310	
73.	Túi lọc bụi	Φ128x2000	Cái	36	
74.	Vải phin trắng	Vải phin trắng	kg	5	
75.	Vít bản tôn	M4x30	túi	18	
76.	Vỏ khớp giãn nở;	khổ L=500mmx7 lớp: lớp bông khoáng dày 50mm (tổng chiều dày 58mm), nhiệt độ làm việc 1000 độ C	m	81	
77.	Xà phòng bột	Xà phòng bột	kg	30	

2. Tiến độ cung cấp

- Thời gian giao hàng (Tính từ khi hợp đồng có hiệu lực): Mục số 1÷5, 35, 36, 38, 47, 49, 58÷63, 71, 76 giao hàng trong vòng 30 ngày các mục còn lại giao hàng trong vòng 20 ngày.

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên đơn hàng: _____ [Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Số hiệu đơn hàng: _____ [Ghi số hiệu đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của Bên mời chào giá]

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ mời chào giá số hiệu.....mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, _____ [Ghi tên Nhà cung cấp], cam kết thực hiện đơn hàng _____ [Ghi tên và số hiệu đơn hàng] theo đúng yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với Bảng giá chào và các điều kiện thương mại kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là _____ [Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của đơn hàng].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Hồ sơ chào giá này.
2. Không đang trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

Nếu Hồ sơ chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của Hồ sơ mời chào giá.

Hồ sơ chào giá này có hiệu lực trong thời gian _____ ngày, kể từ ngày _____ [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên đơn hàng: _____ [Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Số hiệu đơn hàng: _____ [Ghi số hiệu đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Stt	Danh mục hàng hoá	Đơn vị tính	Khối lượng	Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm	Xuất xứ từ (quốc gia hoặc vùng lãnh thổ...)	Đơn giá (giá nhập khẩu/ giá xuất xưởng)	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Hàng hoá thứ 1						M1
2	Hàng hoá thứ 2						M2
...	...						...
n	Hàng hoá thứ n						Mn
Tổng cộng giá chào của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)							M=M1+M2+...+Mn

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

CÁC ĐIỀU KIỆN THƯƠNG MẠI

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên đơn hàng: _____ [Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Số hiệu đơn hàng: _____ [Ghi số hiệu đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

1. Giao hàng:

a) Địa điểm giao hàng:

b) Phương án cung cấp, vận chuyển hàng hóa:

2. Thanh toán:

3. Bảo hành (nếu có):

4. Hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàng (nếu có):

BẢN KÊ CHI TIẾT DANH MỤC HÀNG HÓA

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên đơn hàng: _____ [Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Số hiệu đơn hàng: _____ [Ghi số hiệu đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]

Bảng liệt kê chi tiết danh mục hàng hoá cần thể hiện rõ các đặc tính, thông số kỹ thuật, chất lượng, nhà sản xuất, nguồn gốc, xuất xứ, v.v... của vật tư được chào giá

T T	Danh mục hàng hoá	ĐVT	Khối lượng	Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm	Đặc tính, thông số kỹ thuật	Nhà sản xuất	Xuất xứ từ (quốc gia hoặc vùng lãnh thổ...)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Hàng hoá thứ 1						
2	Hàng hoá thứ 2						
							
n	Hàng hoá thứ n						

CÁC ĐIỀU KIỆN CHÍNH CỦA HỢP ĐỒNG

I. Đối tượng của hợp đồng

1. Tên hàng và khối lượng:
2. Nhà sản xuất :.....
3. Xuất xứ :
4. Tiêu chuẩn chất lượng: mới 100%, sản xuất năm 2024 trở lại đây, tại kho vật tư của Công ty tại Tổ 4, khu 4A, P.Cẩm Thịnh, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
5. Thông số kỹ thuật của hàng hoá: (Như Bảng kê chi tiết danh mục hàng hóa)

II. Hình thức hợp đồng

Hợp đồng theo đơn giá cố định.

III. Giá cả và phương thức thanh toán

1. Đơn giá và giá trị hợp đồng:
2. Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản qua Ngân hàng trong vòng 30 ngày sau khi bên B bàn giao đầy đủ hàng hóa, đạt yêu cầu kỹ thuật và có đủ chứng từ thanh toán cho bên A
3. Bộ chứng từ thanh toán:
 - Các giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ và chất lượng hàng hóa: CO, CQ, Cam kết nguồn gốc xuất xứ và chất lượng hàng hóa (Cụ thể theo quy định tại điểm 5 mục 4 Chương I: Yêu cầu về hồ sơ chào giá):
 - Hoá đơn GTGT;
 - Biên bản kiểm nghiệm vật tư
 - Giấy đề nghị thanh toán của Bên B.
 - Bản thanh lý hợp đồng

IV. Giao hàng

1. Địa điểm giao nhận: Giao hàng tại Kho vật tư của Công ty tại Tổ 4, khu 4A, P.Cẩm Thịnh, TP. Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.
2. Thời gian giao hàng(Tính từ khi hợp đồng có hiệu lực): Theo nhu cầu sử dụng của Công ty Nhiệt điện cẩm phả -TKV trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận được thông báo giao hàng bằng Văn bản hoặc Fax. Thời gian thực hiện đến hết ngày 30/06/2025.
3. Xác định khối lượng giao nhận:
 - Phương pháp:
 - Địa điểm xác định khối lượng:
 - Biên bản xác định khối lượng
4. Xác định chất lượng:
 - Phương pháp:
 - Địa điểm xác định chất lượng:
 - Biên bản xác định chất lượng/ Chứng thư chất lượng

V. Hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàng